

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2023/HS-ST
Ngày: 21-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình, ông Nguyễn Hữu Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 277/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy K**; Tên gọi khác: Kiến; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 07/12/1994; Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 09/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm, tuyên phạt 09 năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích (tại bản án 22/2014/HSST), bị cáo kháng cáo. Ngày 03/9/2014, bị tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm (tại bản án 340/2014/HSPT).

Ngày 29/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 03 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án 20/2014/HSST). (BL: 383-392)

Ngày 25/11/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra quyết định tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Duy K phải chấp hành chung cho hai bản án là 11 năm 3 tháng tù giam. Ngày 28/5/2022, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống.

Nhân thân:

Ngày 18/4/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tại bản án số 124/2012/HSST), bị cáo đã được xóa án tích.

Con ông: Nguyễn Đình K1, sinh năm 1965; Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1967. Cùng trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ con.

Bị cáo Nguyễn Duy K đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 28/4/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ: LK07-54 Khu T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1988

Địa chỉ: LK04- Lô I V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1990

Địa chỉ: A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thùy T2, sinh năm 1985

Địa chỉ: E N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Bà Vũ Thị Thanh M1, sinh năm 1975

Địa chỉ: I N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Vân K2, sinh năm 1983

Địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Phan Tấn H2, sinh năm 1992

Địa chỉ: D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị Bảo Y, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Ông Đặng Văn D, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị Bích T3, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số F H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Bà Lê Nhật L, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: I Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1952

Địa chỉ: E N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn S, sinh năm 1965

Địa chỉ: I Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Ông Phạm Trung K3, sinh năm 1992

Địa chỉ: B V, phường T. thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy K, sinh năm: 1994, trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là người đã có nhiều tiền án, về tội Trộm cắp tài sản và Cố ý gây thương

tích, chưa được xóa án tích. Do không có việc làm ổn định, không có tiền tiêu xài nên trong thời gian từ ngày 02/3/2023 đến ngày 27/4/2023, trên địa bàn thành phố B, Nguyễn Duy K đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 01 giờ ngày 02/3/2023, K điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave S, biển số 47M1-210.81 đi từ hồ câu Cô B tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B. Khi đi đến nhà của anh Nguyễn Văn H, địa chỉ: L Khu T, phường T, thành phố B, thì K phát hiện cửa cổng và cửa chính nhà anh H không khóa, không có người trông coi nên K đi vào phòng ngủ tầng trệt lên lút trộm cắp các tài sản của anh H, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s, dung lượng 64Gb, màu đen; 01 điện thoại di động hiệu S1 A32 5G, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu S1 A53 5G, màu xanh và số tiền 800.000 đồng, rồi tẩu thoát. K điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 mang các tài sản trộm cắp được của anh H đi về nhà, tại địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, cất giấu. Sau đó, K mang điện thoại Samsung Galaxy A32 và S1 A53 đến khu vực đường Q thuộc xã H, thành phố B bán cho một người đàn ông đi đường (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 3.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Riêng điện thoại di động Samsung Galaxy A21s, K giữ lại sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 103/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s A217, dung lượng 64Gb, màu đen, trị giá 1.600.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu S1 A32 (5G) A326, màu xanh, trị giá 3.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu S1 A53 (5G) A536, dung lượng 128Gb, màu xanh, trị giá 5.100.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là 9.700.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 01 giờ ngày 10/3/2023, K điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B. Khi đến nhà của chị Nguyễn Thị H1, địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, thì K phát hiện cửa sổ bên hông tầng 2 đang mở nên K dựng xe bên ngoài và lên lút đột nhập vào phòng khách tầng 2 trộm cắp các tài sản của chị H1, gồm: 01 máy tính xách tay hiệu A 3 A315-57G31YD, màu đen, cùng sạc pin máy tính xách tay và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12, dung lượng 128Gb, màu xanh, rồi tẩu thoát. Sau đó, K mang các tài sản trộm cắp của chị H1 về hồ câu Cô B tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, cất giấu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, K mang các tài sản trộm cắp của chị H1 đến khu vực đường L, thành phố B bán cho một người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thu được số tiền 3.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 103/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire 3 A315-57G31YD, màu đen và 01 sạc pin máy tính xách tay, trị giá: 5.000.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu S1 A12 A127, Ram F, dung lượng 128Gb, màu xanh, trị giá 1.700.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là 6.700.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 01 giờ ngày 23/3/2023, K điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà của anh Nguyễn Thành T1, địa chỉ: A P, phường T, thành phố B, thì Khánh Phát hiện cửa sổ tầng trệt mở nên K dựng xe ở bãi đất trống đối diện nhà, lén lút đột nhập vào phòng ngủ tầng 2, trộm cắp tài sản của anh T1 01 máy tính xách tay hiệu Dell XPS, màu bạc, I(R) Core(TM) i5-3230M, kèm 01 cục sạc pin. Sau đó, K đi xuống phòng khách tầng trệt tiếp tục lén lút trộm cắp của anh T1 01 sạc dự phòng, hiệu Earldom PB-41, màu đen, rồi điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 tẩu thoát về hồ câu Cô B tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, cất giấu tài sản. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, K mang sạc dự phòng của anh T1 đến khu vực đường N, thành phố B, bán cho một người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 100.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Riêng máy tính xách tay hiệu D1, K giữ lại để sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá số 103/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP., kết luận:

- 01 máy tính xách tay hiệu Dell XPS, màu bạc, I(R) Core(TM) i5-3230M, Ram F, ổ cứng 500Gb, màn hình máy tính có một đường nứt ngang, trị giá 400.000 đồng;

- 01 sạc pin máy tính xách tay Dell XPS, trị giá: 50.000 đồng;

- 01 cục sạc dự phòng gắn cáp 3 đầu, nhãn hiệu Earldom PB-41, màu đen, trị giá 200.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là 650.000 đồng.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 01 giờ ngày 27/3/2023, K điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà của anh Nguyễn Duy T, địa chỉ: L-Lô I V, phường T, thành phố B, thì K phát hiện cửa sổ tầng 2 bên hông nhà anh T đang mở nên K dựng xe ở ngoài đường rồi lén lút đột nhập vào phòng ngủ tầng 02, trộm cắp các tài sản của anh T, gồm: 01 dây chuyền bằng vàng Tây trọng lượng 10,25 chỉ, mặt dây chuyền hình chiếc móng bọc vàng Tây, trọng lượng 03 chỉ; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex và số tiền 1.100.000 đồng, rồi tẩu thoát. Sau đó, K mang dây chuyền và đồng hồ của anh T về nhà ông Nguyễn Đình K1 và bà Nguyễn Thị M (là bố, mẹ ruột của khánh), địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cất giấu, còn số tiền 1.100.000 đồng K sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 87/KL-HĐĐGTS ngày 08/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 dây chuyền bằng vàng, loại vàng Tây, 6,1 tuổi, khối lượng vàng 10,25 chỉ, trị giá 33.312.500 đồng;

- 01 mặt dây chuyền bằng vàng (hình móng), loại vàng Tây, 6,1 tuổi, khối lượng vàng 03 chỉ, trị giá 9.750.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 103/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 đồng hồ đeo tay màu vàng, bên ngoài có chữ Rolex, trị giá 4.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài là: 47.062.500 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 01 giờ ngày 01/4/2023, K điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà của chị Lê Thùy T2, địa chỉ: E N, phường T, thành phố B, thì K phát hiện cửa sổ tầng 2 mở nên K dựng xe ở ngoài đường, rồi lén lút đột nhập vào phòng ngủ tầng trệt, trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng trong giỏ xách của chị T2, rồi tẩu thoát. Số tiền trộm cắp của chị T2 K sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 6: Khoảng 02 giờ ngày 04/4/2023, K điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đến quán cà phê “M&N”, địa chỉ: I N, phường T, thành phố B, do chị Vũ Thị Thanh M1 làm chủ, thì K phát hiện cửa sổ thông gió mở nên K lén lút đột nhập vào quầy thu ngân trộm cắp số tiền 600.000 đồng của chị M1 để trong ngăn kéo, rồi tẩu thoát. Số tiền trộm cắp được của chị M1, K sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 7: Vào khoảng 04 giờ ngày 04/4/2023, sau khi trộm cắp xong tài sản của chị Vũ Thị Thanh M1, K tiếp tục đi đến nhà của chị Trần Thị Vân K2, địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, đột nhập vào phòng ngủ tầng 2, lén lút trộm cắp tài sản của chị Vân K2 02 nhẫn vàng, trọng lượng 0,5 chỉ/nhẫn. Sau đó, K2 đi đến vị trí xe ô tô hiệu Hyundai i10, màu xám bạc của chị Vân K2 đang đậu trên vỉa hè trước nhà, dùng tay mở cửa xe ô tô thì phát hiện cửa xe không khóa nên K2 tiếp tục lén lút trộm cắp số tiền 1.500.000 đồng của chị Vân K2 đang để trong xe ô tô, rồi tẩu thoát về hồ câu Cô B cất giấu tài sản. Đến khoảng 18 giờ ngày 05/4/2023, K2 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 mang 02 nhẫn vàng của chị Vân K2 bán cho một người phụ nữ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thu được số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền thu được từ trộm cắp tài sản của chị Vân K2, K2 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 103/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 02 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ/nhẫn, trị giá 3.500.000 đồng.

Vụ thứ 8: Khoảng 01 giờ ngày 07/4/2023, K2 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà của anh Phan Tấn H2, địa chỉ: D N, phường T, thành phố B, thì K2 phát hiện không có người trông coi nên K2 lén lút đột nhập vào phòng bếp trộm cắp của anh H2 01 con heo đất, màu vàng. Sau đó, K2 đập bể con heo đất, thì phát hiện bên trong có số tiền 1.000.000 đồng nên K2 cất giấu vào người, rồi tẩu thoát. Số tiền trộm cắp của anh H2, K2 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá số 103/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 con heo đất, màu vàng, kích thước (25x22x20)cm, trị giá 30.000 đồng.

Vụ thứ 9: Khoảng 01 giờ ngày 14/4/2023, K2 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp

tài sản. Khi đến nhà của chị Phạm Thị Bảo Y, địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, thì K2 phát hiện cửa thông gió tầng 2 đang mở nên K2 lén lút đột nhập phòng khách trộm cắp số tiền 1.500.000 đồng của chị Y để trong túi xách, màu đen, rồi tẩu thoát. Số tiền trộm cắp được của chị Y, K2 sử dụng tiêu cá nhân xài hết.

Vụ thứ 10: Khoảng 02 giờ ngày 14/4/2023, sau khi trộm cắp xong tài sản của chị Phạm Thị Bảo Y, K2 tiếp tục đi đến nhà của anh Đặng Văn D, địa chỉ: Hẻm B T, phường T, thành phố B, lén lút đột nhập vào phòng làm việc của anh D, trộm cắp số tiền 700.000 đồng để bên trong giỏ xách, màu đen, rồi K2 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 tẩu thoát về hồ câu Cô B. Số tiền trộm cắp được của anh D, Khánh tiêu cá nhân xài hết.

Vụ thứ 11: Vào khoảng 01 giờ ngày 17/4/2023, K2 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà Phạm Thị Bích T3, địa chỉ: F H, phường T, thành phố B, thì K2 phát hiện cửa bên hông tầng 2 của căn nhà đang mở nên K2 dựng xe ngoài đường, đột vào phòng ngủ lén lút trộm cắp các tài sản của nhà bà T3, gồm: 01 dây chuyền vàng, trọng lượng 03 chỉ; 01 lắc vàng Tây, trọng lượng 02 chỉ; 01 nhẫn vàng PNJ, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn vàng tây, trọng lượng 01 chỉ; 01 miếng vàng PNJ hình chữ nhật, trọng lượng 01 chỉ và 02 cái móng bọc vàng của bà T3 để trong hộp tủ, rồi K2 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 tẩu thoát về hồ câu Cô B cất giấu tài sản. Đến chiều cùng ngày, K2 sử dụng lò nung chảy 01 lắc vàng, 02 nhẫn vàng PNJ, 01 miếng vàng PNJ và vàng bọc trong 02 móng thành 04 miếng vàng. Sau đó, K2 mang 04 miếng vàng đã nung chảy đến tiệm V, địa chỉ: I Đ, Phường T, thành phố B do ông Trần Văn S làm chủ để bán. Do không biết đây là tài sản trộm cắp mà có, ông S đã đồng ý mua với giá 6.500.000 đồng. Đến ngày 20/4/2023, K4 mang dây chuyền vàng của bà T3 đến tiệm V1, địa chỉ: B V, phường T, thành phố B do anh Phạm Trung K3 làm chủ để bán. Do không biết đây là tài sản trộm cắp mà có, anh K3 đã đồng ý mua với giá 16.100.000 đồng. Số tiền có được, K2 sử dụng tiêu cá nhân hết. Sau khi biết các tài sản mua của K2 là tài sản phạm tội mà có nên ông S đã tự nguyện giao nộp 02 miếng vàng hình tròn, anh K3 đã tự nguyện giao nộp 01 dây chuyền vàng để phục vụ công tác điều tra. Đối với, 02 miếng vàng còn lại đã mua của K2, ông S đã chế tác thành sản phẩm bán lại cho khách nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá số 103/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 miếng vàng PNJ, loại vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ, trị giá 5.600.000 đồng.
- 01 nhẫn bằng vàng PNJ, loại vàng 9999, trọng lượng 0,5 chỉ, trị giá 2.800.000 đồng.
- 01 lắc đeo tay bằng vàng Tây (18K), trọng lượng 02 chỉ, trị giá 7.000.000 đồng.
- 01 nhẫn bằng vàng Tây (18K), trọng lượng 01 chỉ, có đính đá khắc hình hoa màu trắng, trị giá 3.500.000 đồng.
- 02 vật trang sức hình móng động vật, mỗi móng bọc 0,5 chỉ vàng Tây (18K), trị giá 3.500.000 đồng.

- 01 dây chuyền bằng vàng, loại vàng 980, trọng lượng 03 chỉ, trị giá 16.350.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là: 38.750.000 đồng. (BL: 27-38)

Vụ thứ 12: Vào khoảng 01 giờ ngày 23/4/2023, K2 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà của anh Lê Nhật L, địa chỉ: I Đ, phường T, thành phố B, thì K2 phát hiện nhà không có người trông coi nên đã lén lút đột nhập vào phòng ngủ trên tầng 2 trộm cắp của anh L số tiền 700.000 đồng để trong ví da và 01 con heo đất. Sau đó, K2 đập bể con heo đất phát hiện bên trong có số tiền 1.800.000 đồng, rồi cất số tiền trên vào trong người và điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Số tiền trộm cắp của anh L, K2 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 103/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 con heo đất, màu đỏ, kích thước (20x15x15)cm, trị giá 5.000 đồng. (BL: 27-38)

Vụ thứ 13: Khoảng 01 giờ ngày 27/4/2023, K2 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 đi huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến địa bàn thành phố B, để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà của bà Phạm Thị H3, địa chỉ: E N, phường T, thành phố B, thì K2 dựng xe ở ngoài đường, đi vào trong sân nhà bà H3 và **sử dụng 01 con dao gấp cạy cửa đột nhập vào** phòng ngủ tầng trệt, lén lút trộm cắp các tài sản của bà H3, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 11, dung lượng 128GB, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10C, dung lượng 128GB, màu đen và số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi K2 vừa trộm cắp xong tài sản, thì bị gia đình bà H3 phát hiện tri hô nên K2 đã bỏ lại 01 con dao gấp, 01 đôi dép và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1035 màu đen, rồi điều khiển xe mô tô biển số 47M1-210.81 tẩu thoát. (BL: 112-122, 397-424)

Tại Bản kết luận định giá số 101/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi note 11, dung lượng 128GB, màu xanh, có bọc ốp lưng bằng nhựa dẻo màu đen, viền vàng, trị giá 2.100.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi 10C, dung lượng 128GB, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu đỏ, trị giá 1.700.000 đồng.)

Tổng trị giá tài sản là: 3.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 278 /CT-VKS - HS ngày 25/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, đã truy tố Nguyễn Duy K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; các điểm r,s khoản 1, Điều 51 , điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K mức án từ 05 năm đến 06 năm tù giam.

*** Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác định, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s A217, dung lượng 64Gb, màu đen là tài sản của anh Nguyễn Văn H (vụ 1); 01 máy tính xách tay hiệu Dell XPS, màu bạc, I(R) Core(TM) i5-3230M, Ram F, ổ cứng 500Gb là tài sản của anh Nguyễn Thành T1 (vụ 3); 01 dây chuyền bằng vàng, loại vàng Tây, 6,1 tuổi, khối lượng vàng 10,25 chỉ, có mặt dây chuyền bằng vàng (hình móng), loại vàng Tây, 6,1 tuổi, khối lượng vàng 03 chỉ và đồng hồ đeo tay màu vàng, bên ngoài có chữ Rolex là của anh Nguyễn Duy T (vụ 4); 02 miếng vàng hình tròn và sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 980, trọng lượng 03 chỉ là của bà Phạm Thị Bích T3 (vụ 11); 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi note 11, dung lượng 128GB, màu xanh, có bọc ốp lưng bằng nhựa dẻo màu đen, viền vàng; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi 10C, dung lượng 128GB, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu đỏ và số tiền 2.000.000 đồng là của bà Phạm Thị H3 (vụ 13). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản trên cho anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Thành T1, anh Nguyễn Duy T, bà Phạm Thị Bích T3 và bà Phạm Thị H3 nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda - Wave S, màu nâu, biển số 47M1-210.81. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản của bà Nguyễn Thị M, cho bị cáo K mượn làm phương tiện đi lại. Việc K sử dụng vào việc phạm tội, bà M không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với bà M và ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 47M1-210.81 cho bà M nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 đôi giày màu xanh đen bằng vải đã cũ, trên giày ghi chữ ASIA; 01 mũ bảo hiểm chất liệu bằng nhựa cứng, màu trắng, đã cũ, trên mũ có ghi nhiều chữ, trong đó có chữ “Hoàng P”; 01 áo ren dài tay, không cổ, màu xám, trên có ghi chữ “adidas”, màu trắng; 01 áo khoác, màu xanh đen, dài tay, trên áo có chữ “VN”, áo bằng chất liệu nilon tổng hợp; 01 áo khoác, màu xanh, dài tay, trên áo có chữ “Tổng công ty 28”, áo bằng chất liệu vải; 01 mũ, chất liệu bằng da, màu đen, trên mũ có in chữ “Chanel”, màu trắng; 01 đôi găng tay bằng vải, màu xám, đã cũ; 05 khẩu trang bằng vải, màu xám, chưa qua sử dụng; 01 áo thun dài tay, màu đen, viền sọc trắng, có chữ “adidas”, màu trắng; 01 quần thun dài, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 quần jean dài, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 áo dài tay, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 quần Jean dài, màu đen, ống dài, có chữ “Levi Strauss co”; 01 con dao gấp và 01 đôi dép, màu xanh sọc trắng. Quá trình điều tra xác định, đây là công cụ bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1035 màu đen là tài sản riêng của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Về phần dân sự của vụ án: Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 8.900.000 đồng; chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 6.700.000 đồng; chị Lê Thùy T2 yêu cầu bị cáo K bồi

thường số tiền 7.000.000 đồng; chị Trần Thị Vân K2 yêu cầu bị cáo K2 bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; anh Phan Tấn H2 yêu cầu bị cáo K2 bồi thường số tiền 1.000.000 đồng; anh Đặng Văn D yêu cầu bị cáo K2 bồi thường số tiền 700.000 đồng; chị Phạm Thị Bảo Y yêu cầu bị cáo K2 bồi thường số tiền 1.500.000 đồng; anh Lê Nhật L yêu cầu bị cáo K2 bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, tiền trị giá các tài sản bị cáo K2 trộm cắp của các bị hại.

Quá trình điều tra, anh Phạm Trung K3 yêu cầu bị cáo K2 phải hoàn trả số tiền 16.100.000 đồng; ông Trần Văn S yêu cầu bị cáo K2 phải hoàn trả số tiền 3.500.000 đồng, là tiền anh K3 bỏ ra mua dây chuyền vàng và ông S bỏ ra mua 02 cục vàng từ bị cáo K2.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Thành T1, anh Nguyễn Duy T, chị Vũ Thị Thanh M1, bà Phạm Thị Bích T3 và Phạm Thị H3 không yêu cầu bị cáo K2 bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy K không bào chữa tranh luận gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy tại cơ quan điều tra bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới quá trình giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo từ ngày 02/3/2023 đến ngày 27/4/2023, trên địa bàn thành phố B, bị cáo Nguyễn Duy K đã thực hiện 13 vụ trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thành T1, anh Nguyễn Duy T, chị Lê Thùy T2, chị Vũ Thị Thanh M1, chị Trần Thị Vân K2, anh Phan Tấn H2, chị Phạm Thị Bảo Y, anh Đặng Văn D, bà Phạm Thị Bích T3, anh Lê Nhật L và bà Phạm Thị H3. Tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là 128.897.500 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng

...

g) Tái phạm nguy hiểm”

Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo Nguyễn Duy K gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, trật tự công cộng, mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền xài mà không phải lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người có nhân thân xấu có tiền án và chưa được xóa án tích nhưng không xem đó là bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo gây ra.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy K đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét áp dụng cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[2.3] Các vấn đề khác:

Đối với anh Phạm Trung K3 là người mua sợi dây chuyền vàng trọng lượng 03 chỉ và ông Trần Văn S là người mua 02 miếng vàng của bị cáo K. Quá trình điều tra xác định, anh K3 và ông S không biết các tài sản trên do bị cáo K phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Đình K1 và bà Nguyễn Thị M là chủ căn nhà tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nơi bị cáo K cất giấu tài sản trộm cắp mà có. Quá trình điều tra xác định, ông K1 và bà M không biết việc K cất giấu tài sản do phạm tội mà có ở căn nhà trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với những người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người mua các tài sản do bị cáo K trộm cắp mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B,

chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau, là phù hợp.

[2.4] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự

Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s A217, dung lượng 64Gb, màu đen là tài sản của anh Nguyễn Văn H (vụ 1); 01 máy tính xách tay hiệu Dell XPS, màu bạc, I(R) Core(TM) i5-3230M, Ram F, ổ cứng 500Gb là tài sản của anh Nguyễn Thành T1 (vụ 3); 01 dây chuyền bằng vàng, loại vàng Tây, 6,1 tuổi, khối lượng vàng 10,25 chỉ, có mặt dây chuyền bằng vàng (hình móng), loại vàng Tây, 6,1 tuổi, khối lượng vàng 03 chỉ và đồng hồ đeo tay màu vàng, bên ngoài có chữ Rolex là của anh Nguyễn Duy T (vụ 4); 02 miếng vàng hình tròn và sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 980, trọng lượng 03 chỉ là của bà Phạm Thị Bích T3 (vụ 11); 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi note 11, dung lượng 128GB, màu xanh, có bọc ốp lưng bằng nhựa dẻo màu đen, viền vàng; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi 10C, dung lượng 128GB, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu đỏ và số tiền 2.000.000 đồng là của bà Phạm Thị H3 (vụ 13) là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 xe mô tô hiệu Honda - Wave S, màu nâu, biển số 47M1-210.81 là tài sản của bà Nguyễn Thị M nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Tịch thu tiêu hủy 01 đôi giày màu xanh đen bằng vải đã cũ, trên giày ghi chữ ASIA; 01 mũ bảo hiểm chất liệu bằng nhựa cứng, màu trắng, đã cũ, trên mũ có ghi nhiều chữ, trong đó có chữ “Hoàng P”; 01 áo ren dài tay, không cổ, màu xám, trên có ghi chữ “adidas”, màu trắng; 01 áo khoác, màu xanh đen, dài tay, trên áo có chữ “VN”, áo bằng chất liệu nilon tổng hợp; 01 áo khoác, màu xanh, dài tay, trên áo có chữ “Tổng công ty 28”, áo bằng chất liệu vải; 01 mũ, chất liệu bằng da, màu đen, trên mũ có in chữ “Chanel”, màu trắng; 01 đôi găng tay bằng vải, màu xám, đã cũ; 05 khẩu trang bằng vải, màu xám, chưa qua sử dụng; 01 áo thun dài tay, màu đen, viền sọc trắng, có chữ “adidas”, màu trắng; 01 quần thun dài, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 quần jean dài, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 áo dài tay, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 quần Jean dài, màu đen, ống dài, có chữ “Levi Strauss co”; 01 con dao gấp và 01 đôi dép, màu xanh sọc trắng. Quá trình điều tra xác định, đây là công cụ bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội.

Trao trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1035 màu đen là tài sản riêng của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng bị cáo Nguyễn Duy K có được từ việc bán 01 cục sạc dự phòng, trộm cắp được của anh Nguyễn Thành T1; số tiền 1.100.000 đồng bị cáo K trộm cắp của anh Nguyễn Duy T; số tiền 600.000 đồng bị cáo K trộm cắp của chị Vũ Thị Thanh M1 và số tiền 3.000.000 đồng bị cáo K có được từ việc bán 02 cục vàng (bị nung chảy) trộm

cấp của bà Phạm Thị Bích T3, là số tiền mà các bị hại không yêu cầu bị cáo K bồi thường.

Về phần dân sự của vụ án: Buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 8.900.000 đồng; chị Nguyễn Thị H1 số tiền 6.700.000 đồng; chị Lê Thùy T2 số tiền 7.000.000 đồng; chị Trần Thị Vân K2 số tiền 5.000.000 đồng; anh Phan Tấn H2 số tiền 1.000.000 đồng; anh Đặng Văn D số tiền 700.000 đồng; chị Phạm Thị Bảo Y số tiền 1.500.000 đồng; anh Lê Nhật L số tiền 2.500.000 đồng, tiền trị giá các tài sản bị cáo K2 trộm cắp của các bị hại.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy K bồi thường cho anh Phạm Trung K3 số tiền 16.100.000 đồng, bồi thường cho ông Trần Văn S số tiền 3.500.000 đồng, là tiền anh K3 bỏ ra mua dây chuyền vàng và ông S bỏ ra mua 02 cục vàng từ bị cáo K.

Đối với anh Nguyễn Thành T1, anh Nguyễn Duy T, chị Vũ Thị Thanh M1, bà Phạm Thị Bích T3 và Phạm Thị H3 không yêu cầu bị cáo K bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể: án phí dân sự sơ thẩm là 52.900.000 đồng (tiền bị cáo phải bồi thường) x 5% = 2.645.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy K (Kiến) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản b, c, g khoản 2 Điều 173; các điểm r,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Duy K (Kiến) **06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, (ngày 28/4/2023).

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự

Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s A217, dung lượng 64Gb, màu đen là tài sản của anh Nguyễn Văn H (vụ 1); 01 máy tính xách tay hiệu Dell XPS, màu bạc, I(R) Core(TM) i5-3230M, Ram F, ổ cứng 500Gb là tài sản của anh Nguyễn Thành T1 (vụ 3); 01 dây chuyền bằng vàng, loại vàng Tây, 6,1 tuổi, khối lượng vàng 10,25 chỉ, có mặt dây chuyền bằng vàng (hình móng), loại vàng Tây, 6,1 tuổi, khối lượng vàng 03 chỉ và đồng hồ đeo tay màu vàng, bên ngoài có chữ Rolex là của anh Nguyễn Duy T (vụ 4); 02 miếng vàng hình tròn và sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 980, trọng lượng 03 chỉ là của bà Phạm Thị Bích T3 (vụ 11); 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi note 11, dung lượng 128GB, màu xanh, có bọc ốp lưng bằng nhựa dẻo màu đen, viền vàng; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi 10C, dung lượng 128GB, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu đỏ và số tiền

2.000.000 đồng là của bà Phạm Thị H3 (vụ 13) là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý sử dụng.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 xe mô tô hiệu Honda - Wave S, màu nâu, biển số 47M1-210.81 là tài sản của bà Nguyễn Thị M nhận quản lý sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 đôi giày màu xanh đen bằng vải đã cũ, trên giày ghi chữ ASIA; 01 mũ bảo hiểm chất liệu bằng nhựa cứng, màu trắng, đã cũ, trên mũ có ghi nhiều chữ, trong đó có chữ “Hoàng P”; 01 áo ren dài tay, không cổ, màu xám, trên có ghi chữ “adidas”, màu trắng; 01 áo khoác, màu xanh đen, dài tay, trên áo có chữ “VN”, áo bằng chất liệu nilon tổng hợp; 01 áo khoác, màu xanh, dài tay, trên áo có chữ “Tổng công ty 28”, áo bằng chất liệu vải; 01 mũ, chất liệu bằng da, màu đen, trên mũ có in chữ “Chanel”, màu trắng; 01 đôi găng tay bằng vải, màu xám, đã cũ; 05 khẩu trang bằng vải, màu xám, chưa qua sử dụng; 01 áo thun dài tay, màu đen, viền sọc trắng, có chữ “adidas”, màu trắng; 01 quần thun dài, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 quần jean dài, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 áo dài tay, màu đen, có chữ “Louis Vuitton”; 01 quần Jean dài, màu đen, ống dài, có chữ “Levi Strauss co”; 01 con dao gấp và 01 đôi dép, màu xanh sọc trắng. Quá trình điều tra xác định, đây là công cụ bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội.

Trao trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1035 màu đen là tài sản riêng của bị cáo Nguyễn Duy K không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng bị cáo Nguyễn Duy K có được từ việc bán 01 cục sạc dự phòng, trộm cắp được của anh Nguyễn Thành T1; số tiền 1.100.000 đồng bị cáo K trộm cắp của anh Nguyễn Duy T; số tiền 600.000 đồng bị cáo K trộm cắp của chị Vũ Thị Thanh M1 và số tiền 3.000.000 đồng bị cáo K có được từ việc bán 02 cục vàng (bị nung chảy) trộm cắp của bà Phạm Thị Bích T3, là số tiền mà các bị hại không yêu cầu bị cáo K bồi thường.

Về phần dân sự của vụ án:

Buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 8.900.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 6.700.000 đồng; bồi thường cho chị Lê Thùy T2 số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị Vân K2 số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Phan Tân H2 số tiền 1.000.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Văn D số tiền 700.000 đồng; bồi thường cho chị Phạm Thị Bảo Y số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Nhật L số tiền 2.500.000 đồng, là tiền trị giá các tài sản bị cáo K2 trộm cắp của các bị hại.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy K bồi thường cho anh Phạm Trung K3 số tiền 16.100.000 đồng, bồi thường cho ông Trần Văn S số tiền 3.500.000 đồng, là tiền anh K3 bỏ ra mua dây chuyền vàng và ông S bỏ ra mua 02 cục vàng từ bị cáo K.

*** Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Duy K phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.645.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hoài Trang